

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2018/HS-PT

Ngày: 27-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- T *phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đăng Huy**

Các Thẩm phán: Ông **Lại Anh Vân**

Ông **Nguyễn Minh Tân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Linh** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Ông **Phạm Văn Vững** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 170/2018/TLPT-HS ngày 15 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo Vũ Văn T và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án sơ thẩm số 55/2018/HS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Hải Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Vũ Văn T, sinh năm 1960.

Nơi cư trú: Khu dân cư Đ, phường S, thị xã L, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn G (đã chết) và bà Nguyễn Thị X; có vợ là Nguyễn Thị L và 2 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giam từ ngày 20/10/2017 đến ngày 07/02/2018 được VKSND thị xã L thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

2. Trương Ngọc K, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: khu dân cư Đ, phường S, thị xã L, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn C và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Vũ Việt M và 1 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giam từ ngày 20/10/2017 đến ngày 12/01/2018 được VKSND thị xã L thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Vũ Chí G, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: khu dân cư Đ, phường S, thị xã L, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Nguyễn Thị D và 2 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/10/2017. Có mặt tại phiên tòa.

4. Ngô Bảo A, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Số 21 H, khu dân cư T 1, phường S, thị xã L, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn C và bà Nguyễn Thị T.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giam từ ngày 20/10/2017 đến ngày 16/01/2018 được VKSND thị xã L thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

5. Trần Anh Q, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: khu dân cư O 2, phường S, thị xã L, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Tuấn A và bà Trịnh Anh Đ.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giam từ ngày 24/10/2017 đến ngày 12/01/2018 được VKSND thị xã L thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

6. Lê Tuấn V, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Số 3 X, khu dân cư T 2, phường S, thị xã L, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang R và bà Phạm Thị H; có vợ là Nguyễn Thị K và 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giam từ ngày 10/11/2017 đến ngày 12/01/2018 được VKSND thị xã L thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Thanh B, sinh năm 1995.

Nơi đăng ký HKTT: Số 3 khu dân cư O 1, phường S, thị xã L, tỉnh Hải Dương; hiện trú tại: Số 01 X, khu dân cư T 2, phường S, thị xã L, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Cảnh T và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Hoàng Minh Y và 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giam từ ngày 20/10/2017 đến ngày 16/01/2018 được VKSND thị xã L thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

8. Đinh Hồng P, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Số 370 khu dân cư O 3, phường S, thị xã L, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn P và bà Nguyễn Thị N.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giam từ ngày 20/10/2017 đến ngày 12/01/2018 được VKSND thị xã L thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

9. Trương Văn C, sinh năm 1964.

Nơi cư trú: khu dân cư Đ, phường S, thị xã L, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Xuân B (đã chết) và bà Lê Thị Q; có vợ là Nguyễn Thị X và 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/11/2017. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Anh **Lê Quang U**, sinh năm 1979.

Trú tại: số nhà 162, khu 4, phường C, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị **Vũ Thị C**, sinh năm 1977 (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Ông **Lê Quang R**, sinh năm 1962 (Vắng mặt tại phiên tòa).

Đều trú tại: Khu dân cư T 2, phường S, thị xã L, tỉnh Hải Dương.

3. Chị **Trương Thị A**, sinh năm 1972 (Vắng mặt tại phiên tòa).

Trú tại: Khu dân cư V, phường S, thị xã L, tỉnh Hải Dương.

4. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1969 (Vắng mặt tại phiên tòa).

Trú tại: Khu dân cư Đ, phường S, thị xã L, tỉnh Hải Dương.

5. Bà **Trịnh Anh Đ**, sinh năm 1963 (Vắng mặt tại phiên tòa).

Trú tại: Khu dân cư O 2, phường S, thị xã L, tỉnh Hải Dương.

6. Anh **Nguyễn Cảnh T**, sinh năm 1971 (Vắng mặt tại phiên tòa).

Trú tại: Khu dân cư O 1, phường S, thị xã L, tỉnh Hải Dương.

7. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1969 (Vắng mặt tại phiên tòa).

Trú tại: Khu dân cư T 1, phường S, thị xã L, tỉnh Hải Dương.

8. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1964 (Vắng mặt tại phiên tòa).

Trú tại: Khu dân cư O 3, phường S, thị xã L, tỉnh Hải Dương.

- *Người làm chứng:*

1. Anh **Đình Văn D**, sinh năm 1984 (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Anh **Đình Văn N**, sinh năm 1976 (Vắng mặt tại phiên tòa).

3. Anh **Đình Văn P**, sinh năm 1969 (Vắng mặt tại phiên tòa).

4. Chị **Phạm Thị X**, sinh năm 1991 (Vắng mặt tại phiên tòa).

5. Chị **Nguyễn Thị Y**, sinh năm 1977 (Vắng mặt tại phiên tòa).

Đều trú tại: Khu dân cư Đ, phường S, thị xã L, tỉnh Hải Dương.

6. Anh **Hoàng Văn L**, sinh năm 1979 (Vắng mặt tại phiên tòa).

Trú tại: Thôn T, xã N, thị xã L, tỉnh Hải Dương.

7. Anh **Phạm Thế S**, sinh năm 1995 (Vắng mặt tại phiên tòa).

Trú tại: Thôn L, xã M, huyện V, TP. Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 19/8/2017, Vũ Văn T đi từ nhà mình ở khu dân cư Đ, phường S, thị xã L, tỉnh Hải Dương sang quán bún đậu BazDô có địa chỉ tại số nhà 347, khu dân cư Đ, phường S, thị xã L, tỉnh Hải Dương (quán do anh Đình Văn D, sinh năm 1984, trú tại cùng địa chỉ làm chủ). Trên đường đi, T đi qua quán bia Bờm (quán do Trương Ngọc K làm chủ). Trong quán bia có Trương Ngọc K, Trần Anh Q, Nguyễn Thanh B và một người bạn của Q (không rõ tên tuổi, địa chỉ) đang ngồi uống bia. K thấy T vừa đi vừa chửi (không rõ chửi ai, cụ thể như thế nào), K nói “*ông vào làm cốc bia*”, và hỏi “*ông đi đâu thế*”. T trả lời “*Tao đi sang bên quán BazDô chúng mày sang bên quán BazDô với ông*”. Nói xong T tiếp tục đi. Sau khi nghe T nói, K, Q, B cùng đứng dậy đi theo phía sau. Khi đi ra gần đầu đường Đ thì Vũ Chí G (là con trai T) cũng đi về đến đó. Do trước đó bà Nguyễn Thị L (là vợ T) có gọi điện cho G bảo G về xem bố như thế nào nên khi nhìn thấy T thì G cũng đi theo. Ngô Bảo A đang ngồi uống nước chè gần đó thấy T và những người khác đi thì A cũng đứng dậy đi theo sau xem chuyện gì. T đi trước, K, Q, B, G, A đi theo ngay sau. Khi đi đến khu vực cửa quán bún đậu BazDô, T nhìn thấy anh Lê Quang U (là nhân viên trông xe của quán bún đậu BazDô) đang đứng trông xe và mời khách vào ăn bún ở cửa quán. Khi đến gần anh U, T nói “*Chiều mày dọa chặt chân tao, bây giờ mày có chặt không, mày không chặt thì tao đánh mày*” và ngay lập tức T lao vào dùng tay phải đâm vào mặt anh U. Anh U vùng tay lên đỡ, T tiếp tục lao đến dùng tay đâm, chân đá vào người anh U. Thấy vậy, A lao vào ôm người anh U. G, K, Q,

B cùng lao vào dùng tay nắm, chân đá vào các vị trí đầu, mặt, người anh U khiến anh U bị ngã ra đường. T, K, A, G, Q, B tiếp tục đứng xung quanh dùng tay nắm, chân đá, đạp vào người anh U. Khi các đối tượng đang đánh anh U thì Đinh Hồng P và Lê Tuấn V đi đến. Thấy T, K, G, A, Q, B đánh anh U, P và V cũng đứng xung quanh anh U dùng tay nắm, chân đá, đạp vào đầu, mặt, người anh U. Anh U bị xô đẩy lùi sang vị trí bên kia đường đối diện với quán BazDô. Lúc này T tiếp tục đánh còn G, K, Q, B, V, A, P cùng đi sang. Khi đó Trương Văn C đi ăn tối về qua thấy có người nói “D với thằng U Bazdô đánh nhau với T”. C nhìn thấy anh Đinh Văn D ở đó thì C có dùng tay phải tát vào mặt anh D 01 cái (không gây thương tích gì). D bỏ chạy, C đuổi theo D nhưng không được nên quay lại. Lúc này, anh U vẫn đang bị T đánh. Đứng xung quanh có K, G, A, Q, P, V, B. Anh U bỏ chạy sang cửa quán tạp hóa thì có T, G, K, P, Q, A đuổi đánh. Sau khi đuổi đánh anh D không được, C quay lại cửa quán tạp hóa thấy U đang ở vị trí ngồi cúi người xuống đất. C dùng tay phải giơ lên nắm 02 cái vào phía đầu anh U và dùng chân đá về phía chân anh U. K cầm 01 bình nước lọc loại 19 lít bên trong có nước định đập xuống đất để tạo tiếng dọa U nhưng khi cầm bình nước ngang bụng thì bị rơi xuống đất làm bình nước bị vỡ bắn nước ra xung quanh. Thấy đánh nhau bà Nguyễn Thị X (là vợ của C) đến can ngăn nên C không đánh nữa. Khi đó T tiếp tục đánh anh U, đứng xung quanh có K, V, A, G, Quanh, B, P. Anh U đứng dậy vùng bỏ chạy thì bị T, G, K, V tiếp tục đuổi theo từ cửa quán tạp hóa sang đầu đường Đ. Khi đó có nhiều người đến can ngăn A, Q, P, V, B, K, G không đánh U nữa. Anh U ngã nằm dưới đất, T tiếp tục lao vào dùng chân đá vào mặt U. Sau đó, T bỏ đi sang cửa quán Bazdô thì gặp anh Đinh Văn N (là anh trai của anh D). Thấy anh N, T dùng tay nắm vào mặt và dùng chân đá vào người anh N (không gây thương tích gì). Sau đó T, K, G, A, Q, B, V, P, C bỏ về. Anh U bị thương và được đưa đi sơ cứu và điều trị tại Bệnh viện V Đức từ ngày 20/8/2017 đến ngày 22/8/2017 thì chuyển về Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh. Đến ngày 28/8/2017 thì ra viện. Ngày 29/8/2017, anh U tiếp tục điều trị tại Bệnh viện Sức khỏe tâm thần tỉnh Bắc Ninh đến ngày 15/9/2017 thì về nhà.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 4637/C54-TT1 ngày 10/10/2017 đối với thương tích của anh Lê Quang U, Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát kết luận: *Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể: Chảy máu dưới nhện đã điều trị hiện tại không để lại di chứng: 18% (áp dụng Mục 8, Mục III, Chương 2); Gãy 1/2 thân răng 4.4: 0,625% (vận dụng Mục , phần 2, chương 12 và mục 2.2, phần II, chương 12); Sẹo mặt ngoài 1/3 trên cằm chân phải, không ảnh hưởng đến chức năng: 01% (áp dụng Mục 1, Phần 1, chương 9).*

Tổng tỷ lệ phần trăm cơ thể tại thời điểm giám định là: 19%

Cơ chế hình thương thương tích: Các tổn thương của anh Lê Văn Hà là do vật tày tác động gây nên.

Tại bản kết luận giám định số 6058/C54-P6 ngày 22/12/2017 đối với file hình ảnh ghi lại vụ việc, Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát, kết luận: Không thấy có dấu hiệu cắt, ghép nội dung trong File *XVR_ch6_main_20170819201400_20170819202710.dav* gửi giám định.

Đã trích xuất được hình ảnh của 10 đối tượng trong video gửi giám định. Chi tiết được thể hiện trong bản ảnh kèm theo.

Tại bản án sơ thẩm số 55/2018/HS-ST ngày 23/8/2018, TAND thị xã L áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của BLHS năm 2015; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Văn T, Trương Ngọc K, Ngô Bảo A, Vũ Chí G, Trần Anh Q, Nguyễn Thanh B, Lê Tuấn V, Đinh Hồng P và Trương Văn C phạm tội "Cố ý gây thương tích".

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 27 tháng tù. Trừ đi 3 tháng 18 ngày bị tạm giữ, tạm giam, bị cáo còn phải chấp hành là 23 tháng 12 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Trương Ngọc K 26 tháng tù. Trừ đi 2 tháng 23 ngày bị tạm giữ, tạm giam, bị cáo còn phải chấp hành 23 tháng 7 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án

- Xử phạt bị cáo Ngô Bảo A 26 tháng tù. Trừ đi 2 tháng 27 ngày bị tạm giữ, tạm giam, bị cáo còn phải chấp hành 23 tháng 3 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Vũ Chí G 26 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Trần Anh Q 25 tháng tù. Trừ đi 2 tháng 19 ngày bị tạm giữ, tạm giam, bị cáo còn phải chấp hành 22 tháng 11 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B 25 tháng tù. Trừ đi 2 tháng 27 ngày bị tạm giữ, tạm giam, bị cáo còn phải chấp hành 22 tháng 3 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Lê Tuấn V 25 tháng tù. Trừ đi 2 tháng 2 ngày bị tạm giữ, tạm giam, bị cáo còn phải chấp hành 22 tháng 28 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Đinh Hồng P 24 tháng tù. Trừ đi 2 tháng 23 ngày bị tạm giữ, tạm giam, bị cáo còn phải chấp hành 21 tháng 7 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Trương Văn C 24 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29/8/2018, bị cáo V và bị cáo B kháng cáo một phần bản án, xin hưởng án treo.

Ngày 30/8/2018, các bị cáo K, C, P, A kháng cáo một phần bản án, xin hưởng án treo; bị cáo T và bị cáo G kháng cáo toàn bộ bản án và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo K và Q có kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa vì lý do sức khỏe nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, xét thấy vụ án có nhiều bị cáo, đã hoãn phiên tòa ngày 21/11/2018 nên HĐXX quyết định tiến hành xét xử bị cáo K và Q.

- Bị cáo T và bị cáo G sửa đổi kháng cáo, nhất trí về tội danh và tình tiết côn đồ, bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, bị cáo G kháng cáo xin hưởng án treo.

- Các bị cáo A, V, B, P, C nhất trí với tội danh, các tình tiết giảm nhẹ đã áp dụng; vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo.

- VKSND tỉnh phát biểu: Từ khi thụ lý, trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm đến nay tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Đối với yêu cầu kháng cáo của các bị cáo: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo T, giảm cho bị cáo T 02 tháng tù; áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS 2015, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo G, V, B, P, C, cho các bị cáo được hưởng án treo; không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo K, A và Q. Các bị cáo kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn quy định tại Điều 333 BLTTHS nên hợp lệ và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo K và bị cáo Q có kháng cáo nhưng vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa

Về nội dung:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, tại cấp sơ thẩm, với lời khai của người bị hại cùng những chứng cứ và tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo T và bị cáo G khai thêm nguyên nhân dẫn đến việc xô xát là do anh U có lời nói đe dọa chặt chân bị cáo T trước. Trong quá trình điều tra, cơ quan G an đã tiến hành lấy lời khai của người bị hại là anh U, người làm chứng là anh D và tiến hành đối chất. Tuy nhiên lời khai của anh U phù hợp với lời khai của anh D là người làm chứng, đều xác định

không có việc anh U đe dọa bị cáo T, đồng thời anh U là người nơi khác đến làm thuê nên việc bị cáo T khai anh U đe dọa, thách thức bị cáo T là không phù hợp. Vậy đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 19/8/2017, tại trước cửa nhà số 347, khu dân cư Đ, phường S, thị xã L, tỉnh Hải Dương, Vũ Văn T, Trương Ngọc K, Vũ Chí G, Ngô Bảo A, Trần Anh Q, Nguyễn Thanh B, Lê Tuấn V, Đinh Hồng P, Trương Văn C có hành vi vô cớ dùng tay, chân đấm, đá, đập vào vùng đầu, mặt, người anh Lê Quang U làm anh U bị thương (chảy máu dưới nhện, gãy $\frac{1}{2}$ thân răng 4.4, sẹo mặt ngoài $\frac{1}{3}$ trên cằm chân phải). Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là: 19% (mười chín phần trăm).

[2] Như đã phân tích ở trên, lời khai của bị cáo T về việc anh U đe dọa chặt chân bị cáo chưa đủ chứng cứ chứng minh, anh U và người làm chứng đều khai không có việc này nên xác định giữa các bị cáo và anh U không có mâu thuẫn từ trước. Việc các bị cáo dùng tay đấm, dùng chân đá anh U là hành vi vô cớ, thể hiện sự hung hãn, côn đồ của các bị cáo. Hậu quả là gây thương tích cho anh U, tỷ lệ tổn thương là 19%. Hành vi của các bị cáo thực hiện trước khi Bộ luật Hình sự 2015 có hiệu lực nhưng cấp sơ thẩm áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, xét xử các bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS 2015 là có căn cứ. Tại phiên tòa bị cáo T và G nhất trí xác định hành vi phạm tội có tính chất côn đồ, không kháng cáo về phần này.

[3] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, đã cùng bồi thường cho anh U 380.000.000đ và được anh U xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo V có thành tích trong thể thao và có bố để được tặng Huy chương; bị cáo Q có mẹ để được tặng thưởng kỷ niệm chương nên cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS 2015, xử phạt bị cáo T 27 tháng tù, bị cáo K 26 tháng tù, bị cáo A và bị cáo G 26 tháng tù, bị cáo Q, B và V 25 tháng tù, bị cáo P và bị cáo C 24 tháng tù là phù hợp.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo thì thấy:

[4.1] Đây là vụ án đồng phạm, các bị cáo không có mâu thuẫn từ trước với anh U, việc đánh anh U do bị cáo T khởi xướng, các bị cáo còn lại chỉ tiếp nhận ý chí của bị cáo T nên đánh giá tính chất côn đồ của các bị cáo còn lại ở mức đồng phạm, thấp hơn bị cáo T.

[4.2] Sau khi phạm tội, các bị cáo đã cùng bồi thường cho người bị hại 380.000.000đ, trong đó bị cáo T bồi thường phần nhiều so với các bị cáo khác (khoảng 150.000.000đ). Vận dụng Nghị quyết 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng Thẩm phán – TAND tối cao theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo khi bị cáo đã bồi thường phần lớn thiệt hại cho người bị hại. Trong vụ án này bị cáo T đã bồi thường phần lớn thiệt hại, các bị cáo khác bồi thường thấp hơn nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo T nhiều hơn các bị cáo khác.

Trong vụ án có 2 cặp bố con là T – G và C – K. Tuy nhiên bị cáo T là người khởi xướng việc phạm tội, bị cáo T và K tham gia từ đầu, có hành vi tích cực, cần xử phạt nghiêm mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của 02 bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T và K đề nghị được hưởng án treo. Đối với bị cáo G và C, các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện được hưởng án treo. Để đảm bảo ổn định cuộc sống gia đình của các bị cáo thì cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo G và C, cho 02 bị cáo được cải tạo tại địa P, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật, không để một nhà có 2 người cùng phải thi hành án tù giam.

Các bị cáo đều được hưởng 4 tình tiết giảm nhẹ tại cấp sơ thẩm. Tại cấp phúc thẩm bị cáo A, P, V, K, Q, B, C tự nguyện nộp trước tiền án phí hình sự sơ thẩm, điều này thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo, là tình tiết giảm nhẹ mới. Mặt khác, bị cáo B có ông nội là Nguyễn Đình I, sinh năm 1947, được Nhà nước tặng Huy chương kháng Chiến hạng nhất, tuy đây không phải tình tiết giảm nhẹ theo quy định của pháp luật nhưng HĐXX sẽ xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

HĐXX xét thấy các bị cáo P, B, V có hành vi ít nghiêm trọng, vai trò thứ yếu trong vụ án đồng phạm, có nơi cư trú rõ ràng nên chấp nhận kháng cáo, cho 03 bị cáo được cải tạo tại địa P là phù hợp. Bị cáo A và Q tuy có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có thêm tình tiết mới tại cấp phúc thẩm nhưng xét thấy các bị cáo có hành vi tích cực, nhiều lần đuổi, đánh, đâm anh U nên cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này trên địa bàn tỉnh. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo A và bị cáo Q.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Do chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm đối với bị cáo T, G, V, B, P, C nên các bị cáo này không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo K, A, Q kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vũ Văn T, Vũ Chí G, Lê Tuấn V, Nguyễn Thanh B, Đinh Hồng P, Trương Văn C, sửa một phần bản án sơ thẩm số 55/2018/HS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Hải Dương.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của BLHS năm 2015; khoản 2 Điều 135, khoản 2

Điều 136 của BLTTHS năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo;

Áp dụng Điều 65 BLHS 2015; Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với các bị cáo Vũ Chí G, Lê Tuấn V, Nguyễn Thanh B, Đinh Hồng P, Trương Văn C:

- Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Văn T, Trương Ngọc K, Ngô Bảo A, Vũ Chí G, Trần Anh Q, Nguyễn Thanh B, Lê Tuấn V, Đinh Hồng P và Trương Văn C phạm tội "Cố ý gây thương tích".

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn T **25** (*Hai mươi lăm*) tháng tù, trừ đi 03 tháng 18 ngày bị tạm giữ, tạm giam, bị cáo còn phải chấp hành là **21** (*Hai mươi một*) tháng **12** (*Mười hai*) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án 27/11/2018.

- Xử phạt bị cáo Trương Ngọc K **26** (*Hai mươi sáu*) tháng tù, trừ đi 02 tháng 23 ngày bị tạm giữ, tạm giam, bị cáo còn phải chấp hành **23** (*Hai mươi ba*) tháng **07** (*Bảy*) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Ngô Bảo A **26** (*Hai mươi sáu*) tháng tù, trừ đi 02 tháng 27 ngày bị tạm giữ, tạm giam, bị cáo còn phải chấp hành **23** (*Hai mươi ba*) tháng **03** (*Ba*) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án 27/11/2018.

- Xử phạt bị cáo Vũ Chí G **26** (*Hai mươi sáu*) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là **52** (*Năm mươi hai*) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 27/11/2018.

- Xử phạt bị cáo Trần Anh Q **25** (*Hai mươi lăm*) tháng tù, trừ đi 02 tháng 19 ngày bị tạm giữ, tạm giam, bị cáo còn phải chấp hành **22** (*Hai mươi hai*) tháng **11** (*Mười một*) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Lê Tuấn V **25** (*Hai mươi lăm*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **50** (*Năm mươi*) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 27/11/2018.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B **25** (*Hai mươi lăm*) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là **50** (*Năm mươi*) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 27/11/2018.

- Xử phạt bị cáo Đinh Hồng P **24** (*Hai mươi bốn*) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là **48** (*Bốn mươi tám*) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 27/11/2018.

- Xử phạt bị cáo Trương Văn C **24** (*Hai mươi bốn*) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là **48** (*Bốn mươi tám*) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 27/11/2018.

- Giao các bị cáo Vũ Chí G, Lê Tuấn V, Nguyễn Thanh B, Đinh Hồng P, Trương Văn C cho Ủy ban nhân dân phường S, thị xã L, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

- Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí:

- Ghi nhận các bị cáo Trương Ngọc K, Ngô Bảo A, Trần Anh Q, Lê Tuấn V, Nguyễn Thanh B, Đinh Hồng P, Trương Văn C đã nộp án phí hình sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã L lần lượt theo biên lai số AA/2011/0001426 ngày 23/10/2018; AA/2011/0001428 ngày 23/8/2018; AA/2011/0001431 ngày 23/10/2018; AA/2011/0001430 ngày 23/10/2018; AA/2011/0001427 ngày 23/10/2018; AA/2011/0001429 ngày 23/10/2018; AA/2011/0001423 ngày 22/10/2018.

- Các bị cáo Trương Ngọc K, Ngô Bảo A, Trần Anh Q mỗi bị cáo phải chịu **200.000đ** (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Vũ Văn T, Vũ Chí G, Lê Tuấn V, Nguyễn Thanh B, Đinh Hồng P, Trương Văn C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 27/11/2018.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND thị xã L (2 bản);
- VKSND thị xã L;
- CQCSĐT, CQTHAHS - Công an thị xã L;
- THADS thị xã L;
- UBND phường S
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, Tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Đăng Huy